

TỰ ĐÁNH GIÁ CHO SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

SELF-ASSESSMENT FOR INDUSTRIAL PRODUCTION

GIỚI THIỆU INTRODUCTION

Sáng kiến tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh (BSCI) là một sáng kiến của các nhà bán lẻ, nhập khẩu và nhà sản xuất để cải thiện các tiêu chuẩn xã hội một cách bền vững. Đơn vị đánh giá thứ ba là một trong những cơ chế để cải thiện các tiêu chuẩn xã hội, nhưng chìa khóa để cải tiến thực sự và bền vững là hành động trong quan hệ đối tác với các nhà cung cấp. BSCI nhằm đến mục đích khen thưởng cho sự sẵn sàng của các nhà cung cấp có sự hợp tác.

Bảng câu hỏi tự đánh giá là bước đầu tiên trong quá trình thực hiện BSCI. Nó là một công cụ mà công ty của bạn nên hoàn thành và nó có ba mục đích chính:

1. Nó cho phép công ty của bạn tự đánh giá quá trình thực hiện đối với các yêu cầu BSCI và có được một sự hiểu biết đầu tiên về hệ thống.
2. Nó cung cấp cho bạn và khách hàng của bạn (Thành viên tham gia vào BSCI) với một cái nhìn tổng quan đầu tiên của Trách nhiệm xã hội của bạn và của các trang trại của bạn cung cấp (nếu có).
3. Nó giúp công ty của bạn để chuẩn bị cho đánh giá nội bộ và đánh giá BSCI theo hướng cải tiến.

Phần A của tự đánh giá này bao gồm các câu hỏi cụ thể liên quan đến nhà máy của bạn trong khi Phần B là một sự chuẩn bị cho kiểm toán về trách nhiệm xã hội sắp tới.

Xin lưu ý rằng nếu công ty của bạn có một số đơn vị sản xuất, tự đánh giá cần được điền vào cho từng đơn vị riêng biệt.

Có tài liệu thích hợp cho tất cả các khu vực được bao trùm trong đánh giá này là một thành phần thiết yếu của cho sự chuẩn bị của bạn. Giữ nó trên tay và sẵn sàng cho ủa trình xem xét bởi các kiểm toán viên của BSCI.

The Business Social Compliance Initiative (BSCI) is an initiative of retailers, importers and manufacturers to improve social standards in a sustainable way. Third party audits are one of the mechanisms to improve social standards, but the key to real and sustainable improvement is acting in partnership with suppliers. The BSCI aims to reward the suppliers' willingness to cooperate.

The self-assessment questionnaire is the first step in the BSCI implementation process. It is a tool that your company should complete and it has three main purposes:

1. It allows your company to evaluate its own performance with regard to the BSCI Requirements and get a first understanding of the system.
2. It provides you and your clients (BSCI Participants) with a first overview of your social responsibility and that of your supplying farms (if applicable).
3. It helps your company to get prepared for both internal audits and BSCI audits in a progressive manner.

Part A of this self-assessment includes specific questions regarding your factory while Part B is a preparation for the upcoming social audit.

Please note that if your company has several production units, one self-assessment should be filled in for each separate unit.

Having proper documentation for all the areas covered in this assessment is an essential component of your preparation. Keep it on hand and ready for review by the BSCI auditor.

> **Click vào đây để được chuyển tiếp đến danh sách các tài liệu cần thiết: (đính kèm vào email)**
> **Click here to be forwarded to the list of documents needed: {attached to email}**

TÓM TẮT THUẬT NGỮ

ABRIDGED GLOSSARY 2

BẢNG CÂU HỎI PHẦN A.1

QUESTIONNAIRE PART A.1 3

BẢNG CÂU HỎI PHẦN A.2

QUESTIONNAIRE PART A.2 5

BẢNG CÂU HỎI PHẦN A.3

QUESTIONNAIRE PART A.3 7

BẢNG CÂU HỎI PHẦN B

QUESTIONNAIRE PART B 10

TÀI LIỆU CẦN CÓ TẠI THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

Documentation at the date of the audit 19

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels

BSCI Self-Assessment Industrial Production

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority.

Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

TÓM TẮT THUẬT NGỮ ABRIDGED GLOSSARY

Đây là một bản tóm tắt của các điều khoản có liên quan nhất mà bạn sẽ gặp phải khi điền vào bảng câu hỏi này.

Để xem bảng chú giải thuật ngữ đầy đủ, xin vui lòng truy cập vào các trang web của BSCI

This is a summary of the most relevant terms you will face when filling in this questionnaire.

To view the complete glossary, please visit the BSCI website

SỰ CHỨNG NHẬN CERTIFICATIONS

ISO 9001	Hệ thống quản lý chất lượng Quality Management Standard (www.iso.org)
ISO 14001	Hệ thống quản lý môi trường Environment Management Standard (www.iso.org)
ICTI CARE	Hội đồng công nghiệp đồ chơi quốc tế International Council of Toy Industries (www.icti-care.org)
WRAP	Hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội World Responsible Accredited Production (www.wrapcompliance.org)
SA8000	Tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội Social Standard (www.sa-intl.org)

CÁC TỔ CHỨC TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI KHÁC MÀ KHÔNG PHẢI LÀ ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN OTHER SOCIAL SCHEMES, WHICH ARE NOT CERTIFICATIONS

SMETA	SMETA đại diện cho Sedex- thành viên kiểm toán đạo đức thương mại. Nó là tài liệu của các thực hành tốt nhất về kỹ năng đánh giá đạo đức thương mại, chủ đích dành cho kiểm toán viên có kinh nghiệm để giúp họ thực hiện kiểm toán chất lượng cao trong định dạng cho kiểm toán đạo đức thương mại mà có thể dễ dàng chia sẻ. Nó cũng có ý định để cho mình bạch hơn vào trình độ kiểm toán viên và thực hành là nền tảng cho báo cáo. SMETA không phải là một bộ quy tắc ứng xử hay tiêu chuẩn mới. SMETA stands for Sedex Members Ethical Trade Audit. It is a compilation of best practice in ethical trade audit technique, intended for experienced auditors to help them to conduct high quality audits in a format for ethical trade audits that can be easily shared. It also intends to give greater transparency into the auditor qualifications and practices that underpin reports. SMETA is not a new code of conduct or standard.
FLA	Hiệp hội lao động công bằng (FLA) là một nỗ lực hợp tác của các công ty trách nhiệm xã hội, các trường đại học, cao đẳng và các tổ chức xã hội dân sự để cải thiện điều kiện làm việc tại các nhà máy trên thế giới. FLA đã phát triển Bộ quy tắc ứng xử nơi làm việc, dựa trên tiêu chuẩn của ILO, và xây dựng quy chế giám sát thực tế, hành động khắc phục hậu quả và quá trình xác minh để đạt theo tiêu chuẩn này. The Fair Labour Association (FLA) is a collaborative effort of socially responsible companies, colleges and universities, and civil society organisations to improve working conditions in factories around the world. The FLA has developed a Workplace Code of Conduct, based on ILO standards, and created a practical monitoring, remediation and verification process to achieve those standards.

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

BẢNG CÂU HỎI PHẦN A.1 QUESTIONNAIRE PART A.1

A.1 HỒ SƠ CÔNG TY COMPANY PROFILE

Vị trí công ty Location of Company

Ngày tự đánh giá*	
Date of the self-assessment*	
Tên Công ty* Company name*	
DBID - Mã số trên cơ sở dữ liệu BSCI	
DBID (BSCI Database Identification Number)	
Đường* Street*	
Thành phố* City*	
Mã Bưu điện Zip Code	
Quốc Gia* Country*	
Điện thoại Phone	
Số Fax Fax	
Website Website	
Thư điện tử E-mail	
Thông tin thêm về vị trí Additional directions	
Tọa độ GPS GPS Coordinates	

Dữ liệu cơ bản Basic Data

Năm thành lập/hoạt động First Year of Operation	
Tình trạng pháp lý/ Tên Giấy phép đăng ký kinh doanh	
Legal Status / Official Company Registration	
Ngôn ngữ của Quản lý và công nhân sử dụng	
Language(s) spoken by office management and workers	
Quản lý Management	
Công nhân Workers	

Người liên lạc Contact Person

Tên Name	
Vị trí Position	
Ngôn ngữ sử dụng Languages spoken	
Điện thoại Phone	
Thư điện tử E-mail	

Năng lực sản xuất Production Capacity

	Năm hiện tại Current Year	Một năm trước Last Year	Hai năm trước 2 years ago
Tổng năng lực sản (đơn vị tính) Total production capacity (including unit of measurement)			
Năng lực tối đa trong tháng cao điểm (đơn vị tính) Maximum capacity per month in peak month (including Unit of measurement)			
Năng lực tối đa trong tháng thấp điểm (đơn vị tính) Maximum capacity per month in low season (including Unit of measurement)			
Thị trường trong nước (đơn vị sản phẩm) Domestic market (production units)			
Thị trường xuất khẩu (đơn vị sản phẩm) Export (production units)			

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

Ký túc xá (Nếu có) Dormitories (if applicable)	1	2	3
Nếu cung cấp ký túc xá, Vui lòng điền thông tin địa chỉ cho của từng địa điểm hoặc đánh «N/A» nếu không áp dụng If dormitories are provided, please fill in the address for each location or type «N/A» if not applicable			
Số lượng người sống trong ký túc xá của công ty / Tổng số lượng công nhân của Công ty. Number of individuals living in the dormitories provided by the company / total number of workers in the company			
Số lượng gia đình sống trong ký túc xá của công ty Number of families living in the dormitories provided by the company			
Diện tích cho một người Number of sqm/individual			

BẢNG CÂU HỎI PHẦN A.2 QUESTIONNAIRE PART A.2

A.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY MÔ GENERAL COMPANY STRUCTURE AND SIZE

Tổng quan kinh doanh và đại diện lao động Business Overview and Labour Representation

Những hoạt động kinh doanh chính của bạn là gì?

What are your main business activities?

Others, please describe

Others, please describe

Sản phẩm Product	% tổng sản phẩm của năm % of total production per year	Mùa cao điểm Peak season	
		Tháng bắt đầu Start month	Tháng kết thúc End month
1.			
2.			
3.			

4.			
5.			

Quy chế pháp luật lao động được áp dụng trong công ty của bạn? Khu tự do Thương mại Free Trade Zone Công nghiệp Industry Thỏa thuận tập thể Collective Agreement

Which labour law statutes are applicable within your company?

Có một (hoặc nhiều) người đại diện hoặc tổ chức trong Công ty của bạn? Đại diện công nhân Worker Representative Hội đồng công nhân Worker Council Công Đoàn Trade Union Khác Other

Is one [or more] of the following persons or organisations present in your company?

Tên người đại diện

Name of representative

Những diễn giải thêm Additional comments

Thông tin hoạt động Operations Information

Vui lòng cho biết tất cả các đơn vị kinh doanh trong hoạt động của bạn và hoàn thành tất cả các phần cho mỗi đơn vị (bao gồm cả các đơn vị riêng, nhà thầu phụ, vv.)

Please indicate all business units included in your operations and complete all sections for each unit (including own units, subcontractors, etc.)

Tên Đơn vị Name of unit / Identification	Loại hình hoạt động kinh doanh Type of business activity			Người liên lạc Contact Person	Ngày bắt đầu hợp tác kinh doanh Business Relation since [date]			Địa chỉ Location Address	Khoảng cách đến Công ty (km) Distance to the company [in km]	Sản phẩm chính Main Product
1.										
Giấy chứng nhận: Certifications:	ISO 9001 ISO 9001	ISO 14001 ISO 14001	IFS - International Food Safety IFS - International Food Safety	BRC BRC	Global Gap Global Gap	SA8000 SA8000	Fair Trade Fair Trade	Rainforest Alliance Rainforest Alliance		
2.										
Giấy chứng nhận: Certifications:	ISO 9001 ISO 9001	ISO 14001 ISO 14001	IFS - International Food Safety IFS - International Food Safety	BRC BRC	Global Gap Global Gap	SA8000 SA8000	Fair Trade Fair Trade	Rainforest Alliance Rainforest Alliance		
3.										
Giấy chứng nhận: Certifications:	ISO 9001 ISO 9001	ISO 14001 ISO 14001	IFS - International Food Safety IFS - International Food Safety	BRC BRC	Global Gap Global Gap	SA8000 SA8000	Fair Trade Fair Trade	Rainforest Alliance Rainforest Alliance		
4.										
Giấy chứng nhận: Certifications:	ISO 9001 ISO 9001	ISO 14001 ISO 14001	IFS - International Food Safety IFS - International Food Safety	BRC BRC	Global Gap Global Gap	SA8000 SA8000	Fair Trade Fair Trade	Rainforest Alliance Rainforest Alliance		
5.										
Giấy chứng nhận: Certifications:	ISO 9001 ISO 9001	ISO 14001 ISO 14001	IFS - International Food Safety IFS - International Food Safety	BRC BRC	Global Gap Global Gap	SA8000 SA8000	Fair Trade Fair Trade	Rainforest Alliance Rainforest Alliance		

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

[Back to table of contents](#)

6.									
Giấy chứng nhận:	ISO 9001	ISO 14001	IFS - International Food Safety	BRC	Global Gap	SA8000	Fair Trade	Rainforest Alliance	
Certifications:	ISO 9001	ISO 14001	IFS - International Food Safety	BRC	Global Gap	SA8000	Fair Trade	Rainforest Alliance	
7.									
Giấy chứng nhận:	ISO 9001	ISO 14001	IFS - International Food Safety	BRC	Global Gap	SA8000	Fair Trade	Rainforest Alliance	
Certifications:	ISO 9001	ISO 14001	IFS - International Food Safety	BRC	Global Gap	SA8000	Fair Trade	Rainforest Alliance	
8.									
Giấy chứng nhận:	ISO 9001	ISO 14001	IFS - International Food Safety	BRC	Global Gap	SA8000	Fair Trade	Rainforest Alliance	
Certifications:	ISO 9001	ISO 14001	IFS - International Food Safety	BRC	Global Gap	SA8000	Fair Trade	Rainforest Alliance	

Các chứng nhận hoặc báo cáo đánh giá có sẵn từ lần kiểm toán trước đây được tiến hành tại công ty của bạn?

Có Yes Không No N/A N/A

Nếu có, xin đính kèm một bản sao giấy chứng nhận hợp lệ.

Are certificates or audit reports available from past audits conducted at your company? If yes, please attach a copy of valid certificates.

Bạn có nhận được Bộ quy tắc ứng xử của BSCI Did you receive the BSCI Code of Conduct?

Có Yes Không No

Những diễn giải thêm Additional comments

--

BẢNG CÂU HỎI PHẦN A.3 QUESTIONNAIRE PART A.3

A.3 CƠ CẤU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG EMPLOYMENT STRUCTURE

Hãy mô tả việc tuyển dụng công nhân của Bạn ở phía dưới. Trong trường hợp bạn sử dụng một bên thứ ba cho việc tuyển dụng, Vui lòng cho biết chi tiết.

Please describe below the workers you hire. In case you use a third party for hiring, please include its details.

	Thuê mướn trực tiếp	Thông qua đơn vị tuyển dụng	Tên của dịch vụ tuyển dụng	Thông tin liên hệ của đơn vị tuyển dụng
	Hired directly	Hired through third party	Name of the third party	Contact details of the third party

Tổng số công nhân tại thời điểm tự đánh giá

Total number of workers at the time of the self-assessment

Mùa cao điểm

Peak Season

Tổng số công nhân*

Total number of workers*

Số lượng tối đa công nhân thời vụ hoặc tạm thời*

Maximum number of temporary or seasonal workers*

Công nhân địa phương

Local Workers

Công nhân từ tỉnh khác đến

Migrant Workers

Mùa thấp điểm

Low Season

Tổng số công nhân*

Total number of workers*

Số lượng tối đa công nhân thời vụ hoặc tạm thời*

Maximum number of temporary or seasonal workers*

Công nhân địa phương

Local Workers

Công nhân từ tỉnh khác đến

Migrant Workers

Giờ làm việc Working Hours

Số giờ làm việc mỗi tuần theo luật của quốc gia bạn là?

What is the statutory number of working hours per working week in your country?

Số giờ làm tăng ca trung bình của một tuần là bao nhiêu?

What is the average number of weekly overtime hours?

Vui lòng cho biết các thông tin sau cho mỗi bộ phận

Please indicate the following information per department

Tên bộ phận

Department name

Số công nhân

No. of workers

Ca làm việc của bộ phận

Shifts worked in the department

Ca 1 Shift 1

Nghỉ Break

Các ngày trong tuần Weekdays

Ngày nghỉ Resting day

Ca 2 Shift 2

ghỉ Break

Mùa cao điểm	Mùa thấp điểm	Mùa cao điểm	Mùa thấp điểm
Peak season	Low season	Peak season	Low season

Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc
Start	End	Start	End

Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật
M	Tu	W	Th	F	Sa	Su	M	Tu	W	Th	F	Sa	Su

●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

[Back to table of contents](#)

	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật
	M	Tu	W	Th	F	Sa	Su	M	Tu	W	Th	F	Sa	Su
Các ngày trong tuần Weekdays	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Ngày nghỉ Resting day	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Ca 3 Shift 3														
Nghỉ Break														

	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật
	M	Tu	W	Th	F	Sa	Su	M	Tu	W	Th	F	Sa	Su
Các ngày trong tuần Weekdays	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Ngày nghỉ Resting day	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Ca 4 Shift 4														
Nghỉ Break														

	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Chủ Nhật
	M	Tu	W	Th	F	Sa	Su	M	Tu	W	Th	F	Sa	Su
Các ngày trong tuần Weekdays	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Ngày nghỉ Resting day	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●

Thông tin về lương Wages Information

	Đơn vị tiền tệ địa phương Amount in local currency	Đơn vị tính lương (giờ/ngày/tháng) Indicate unit for wage [hour/day/ month]	Tổng lương Gross	Thực lãnh Net
Lương tối thiểu theo luật áp dụng trong đơn vị sản xuất của bạn là? What is the legal minimum wage applicable in your production unit?				
Lương thấp nhất mà bạn trả cho công nhân cho giờ làm việc bình thường là? What is the lowest wage you pay workers for regular working hours?				

Tiền lương phụ trội theo yêu cầu của luật là gì? (Tiền tệ địa phương)
What are the wage supplements required by law? [local currency]

Tỷ lệ phần trăm chi phí cho tiền lương chi trả so với tổng chi phí của hoạt động nhân sự?	Tăng ca thưởng Overtime	Tăng ca ngày nghỉ hằng tuần Weekly rest day	Tăng ca Ngày lễ Holiday	Ca đêm Night shift	Khác Other
What is the percentage for wage supplements paid in relation with your human resources overall costs?					

Bạn có thường trả tiền tăng ca cho người lao động của Bạn?
How often do you compensate your employees?

Thông tin về Tuổi Age Information

Độ tuổi tối thiểu làm việc theo quy định của Luật là?
What is the statutory minimum age for employment?

Tuổi nhỏ nhất của công nhân trong đơn vị là?
What is the age of the youngest worker?

Kể từ khi Anh/Cô ấy làm việc?
Since when is he/she working?

Ghi chú: Trong trường hợp Bạn có lao động trẻ em hoặc lao động chưa thành niên trong công ty, Vui lòng hoàn thành bảng có tiêu đề «Bảng theo dõi lao động trẻ em và lao động trẻ»
Note: In case you have children or young workers in your company please complete the tab titled «Child & Young Worker Record Sheet»

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

Bảng theo dõi lao động trẻ em và lao động vị thành niên Child and Young Worker Record Sheet

Vui lòng hoàn thành bảng này nếu Công ty bạn có trẻ em (Bất kỳ dưới tuổi tối thiểu của luật) hoặc lao động chưa thành niên (bất kỳ ai trên tuổi tối thiểu nhưng dưới 18 tuổi)
Please only complete this table if you have children (anyone below the national minimum age) or young workers (anyone above the national minimum age but below 18 years of age) in your company.

	Tên Name	Ngày tháng năm sinh (Tháng, năm) Birthday (month, year)	Đi học? (Có, Không) Attending school? [yes, no]	Ngày bắt đầu làm việc (Tháng, năm) Working start date [month, year]	Bộ phận làm việc Department he/she works in	Thời gian làm việc Working time schedule	Diễn giải Comments
1.			có không				
2.			có không				
3.			có không				
4.			có không				
5.			có không				
6.			có không				
7.			có không				
8.			có không				
9.			có không				
10.			có không				
11.			có không				
12.			có không				
13.			có không				
14.			có không				
15.			có không				
16.			có không				
17.			có không				
18.			có không				
19.			có không				
20.			có không				
21.			có không				
22.			có không				
23.			có không				
24.			có không				
25.			có không				

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

[Back to table of contents](#)

BẢNG CÂU HỎI PHẦN B QUESTIONNAIRE PART B

Xin vui lòng dành thời gian của bạn để điền vào bảng câu hỏi tự đánh giá và cung cấp càng nhiều thông tin càng tốt. Chỉ trả trả lời «không áp dụng» (N/A) chỉ khi thực sự cần thiết.

Trong quá trình đánh giá BSCI, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp tài liệu cho đánh giá viên xem xét. Ví dụ, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp Bảng chấm công, phiếu lương, Chi trả Bảo hiểm xã hội, cũng như hồ sơ về sức khỏe và an toàn chẳng hạn như hồ sơ đào tạo, đánh giá rủi ro và dữ liệu an toàn. Thu thập tất cả các tài liệu liên quan đến nhà máy có thể mất nhiều thời gian. Vì vậy, Việc bạn bắt đầu thu thập các tài liệu cần thiết trong khi bắt đầu điền vào tự đánh giá này và lưu giữ chúng có trình tự để phục vụ cho quá trình xem xét của kiểm toán viên là điều nên làm.

Please take your time to fill in this self-assessment questionnaire providing as much information as possible. Try to answer «not applicable» (N/A) only when strictly necessary.

During the BSCI audit you will be requested to provide documentation for the auditors to review. For example, you will be required to show time records, payslips, social security payments, as well as health and safety documentation such as training records, risk assessments and safety data sheets. Gathering all documentation related to factory may take some time. Therefore, it is worthy that you start collecting the documents required while filling in the self-assessment and keep them organised and accessible for the auditors.

1. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT LEGAL COMPLIANCE

Diễn giải: Công việc kinh doanh được điều chỉnh bởi một số yêu cầu pháp lý được thiết lập để bảo vệ khách hàng của bạn. Việc tuân thủ theo các quy định có thể giúp nhà máy của bạn xây dựng và duy trì danh tiếng trung thực và đáng tin cậy, tránh các lãng phí về pháp lý ảnh hưởng đến lợi nhuận.

Kỳ vọng: nhà máy của bạn phải tuân thủ với tất cả các quy định luật pháp quốc gia, các quy định và tiêu chuẩn tối thiểu ngành. Bằng cách làm theo các tiêu chuẩn của BSCI, chúng tôi hy vọng bạn có những thành quả tốt trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội theo các tiêu chí của Tổ chức Lao động Quốc tế và công ước Liên Hiệp Quốc.

Explanation: Sales are governed by a number of legal requirements designed to protect your customers. Playing it by the book can help your factory build and maintain an honest and trustworthy reputation, avoid the cost of legal actions and loss of profit.

Expectation: Your factory should be compliant with all applicable national laws, regulations and industry minimum standards. By following the BSCI, we expect you to work successfully towards better social practices as defined by International Labour Organization and United Nations Conventions.

1.1 Bạn có chính sách về trách nhiệm xã hội bằng văn thể hiện những yêu cầu BSCI đồng thời phù hợp với luật pháp quốc gia?

Có Yes Không No N/A N/A

Do you have a written social policy that documents BSCI requirements in line with the national law?

1.2 Bạn có thông báo cho người lao động hoặc tạo điều kiện cho họ tiếp cận các quy định luật lao động (ví dụ, bạn có cung cấp các văn bản của các quy định cho người lao động quan tâm hoặc tổ chức các cuộc họp cung cấp thông tin về những quy định)?

Có Yes Không No N/A N/A

Do you inform the workers or give them the opportunity to inform themselves about national labour regulations (for example, do you provide the texts of these regulations to interested workers or do you hold informational meetings on the regulations)?

Những diễn giải thêm Additional comments

2. HỆ THỐNG QUẢN LÝ MANAGEMENT SYSTEM

Giải thích: Những yêu cầu về trách nhiệm xã hội được thực hiện thành công hơn khi cả công nhân và quản lý đều hiểu về các quy định này. Minh bạch trong trao đổi thông tin giúp nâng cao nhận thức.

Kỳ vọng: Nhà máy sản xuất có trách nhiệm xác định và thực hiện chính sách trách nhiệm xã hội (bao gồm cả chính sách chống hối lộ/chống tham nhũng) và hệ thống quản lý để đảm bảo đạt được các yêu cầu của Bộ quy tắc ứng xử BSCI tại các cơ sở của nhà máy. Ngoài ra, khi sử dụng nhà thầu phụ, ban quản lý có trách nhiệm đảm bảo các đơn vị này cũng tuân theo các nguyên tắc của bộ quy tắc ứng xử BSCI và theo dõi việc tuân thủ trách nhiệm xã hội của họ. Ban Quản lý chịu trách nhiệm cho việc thực hiện chính xác và cải tiến liên tục bằng cách trao đổi thông tin hiệu quả cho người lao động, tiến hành đánh giá nội bộ và thực hiện các biện pháp khắc phục. Định kỳ xem xét lại các chính sách trách nhiệm xã hội.

Explanation: Social requirements are more successfully implemented when they are understood by both management and workers. Transparent communication helps to raise awareness.

Expectation: The factory shall define and implement a social policy (including anti-bribery / anti-corruption policy) and management system to ensure that the requirements of the BSCI Code of Conduct can be met at its facilities. Additionally, when using subcontractors, management is responsible for ensuring those units are also following the principles of the BSCI code and monitor their social compliance. Management is responsible for the correct implementation and continuous improvement by communicating effectively to the workers, conducting internal audits and taking corrective measures. Periodical review of the Social Policy is expected.

2.1 Bản sao của bộ quy tắc ứng xử BSCI bằng tiếng Việt được dán trong nhà máy hoặc kẹp chung với hợp đồng lao động của công nhân?

Có Yes Không No N/A N/A

Has a copy of the BSCI code of conduct been posted in the workers' languages and/or attached to the workers' contract?

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

2.2 Bạn có quy trình cập nhật và thực hiện các quy định của Pháp Luật liên quan đến các vấn đề thay đổi về tiền lương và an toàn lao động?

Do you have a procedure for updating and implementing legal regulations with regard to matters subject to continuous change like wages and safety?

2.3 Nội quy lao động có được xây dựng và áp dụng cho tất cả nhân viên không?

Do work rules exist and are they documented and applied to all employees?

2.4 Có đại diện quản lý cấp cao được chỉ định để thực hiện tiêu chuẩn của BSCI không?

Has a senior management representative been appointed to implement the BSCI code?

Nếu có: Vui lòng cho biết Tên và trách nhiệm

If yes: please indicate name and function

2.5 Có đại diện của nhóm hoạt động thực hiện tiêu chuẩn BSCI được chỉ định không?

Has a representative of the operational team been appointed to implement the BSCI code?

Nếu có: Vui lòng cho biết Tên và trách nhiệm

If yes: please indicate name and function

2.6 Bạn có lưu giữ hồ sơ đào tạo cho công nhân về tiêu chuẩn của BSCI bao gồm tài liệu đào tạo và danh sách người tham dự?

Do you keep a register of the trainings provided to workers about the content of the BSCI code of conduct, including a description of the content and a participant list?

2.7 Bạn có tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa quản lý và công nhân để thông báo đến công nhân về việc thực hiện tiêu chuẩn BSCI và Luật lao động?

Do you hold regular meetings between management and workers to inform workers on implementation of BSCI requirements and national labour legislation?

2.8 Nếu có, Bạn có lưu trữ hồ sơ của các cuộc họp này?

If yes, do you maintain records of these meetings?

2.9 Bạn có hệ thống khiếu nại khiếu kiện tại Nhà máy?

Do you have a grievance mechanism system in place?

2.10 Có hồ sơ khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong vòng 12 tháng qua?

Are there records available for grievances and solutions from at least the past 12 months?

2.11 Bạn có triển khai Bộ uy tắc ứng xử BSCI (hoặc tương đương) tại các nhà thầu phụ và truyền đạt các yêu cầu kỷ vọng của BSCI cho họ không?

Have you distributed the BSCI code of conduct (or equivalent) to your subcontractors and communicated them the BSCI requirements and expectations?

2.12 Bạn có quy trình giám sát tuân thủ trách nhiệm xã hội tại các nhà thầu phụ của Bạn không?

Do you have a procedure for monitoring social standards at your subcontractors production facilities?

Nếu có, Vui lòng cung cấp hồ sơ

If yes, please provide documentation

2.13 Tất cả các nhà thầu phụ có hoàn thành «Bảng tự đánh giá BSCI» hoặc đánh giá trách nhiệm xã hội tương đương không?

Have all subcontractors completed the BSCI Self-Assessment Questionnaire or equivalent social assessment?

Những diễn giải thêm Additional comments

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

3. TỰ DO ĐOÀN THỂ VÀ QUYỀN THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ FFREEDOM OF ASSOCIATION AND RIGHT TO COLLECTIVE BARGAINING

Diễn giải: Các quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể là cốt lõi của tiêu chuẩn lao động và nhân quyền bất khả xâm phạm. Không ép buộc công nhân tham gia thành viên công đoàn, không phân biệt đối xử với thành viên công đoàn khi tuyển dụng, không hạn chế hay gây ảnh hưởng đến hoạt động của công đoàn.

Kỳ vọng: Tất cả công nhân có quyền thành lập và gia nhập công đoàn do họ lựa chọn để thương lượng tập thể. Nếu ở nước bạn, các quyền về tự do hiệp hội và thương lượng tập thể bị hạn chế theo quy định của pháp luật, công ty của bạn có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khác giúp cho việc tổ chức và thương lượng một cách độc lập. Đồng thời, đại diện của người lao động có quyền tiếp cận đến các đại biểu của họ tại nơi làm việc.

Explanation: The rights of freedom of association and collective bargaining are core labour standards and inalienable human rights. Union's membership must not be required, nor hired or rendered ineffective.

Expectation: All workers should have the right to form and join trade unions of their choice and to bargain collectively. If in your country the rights regarding freedom of association and collective bargaining are restricted by law, your company shall facilitate other means of independent and free organisation and bargaining. At the same time, the representatives of workers shall have access to their representatives in the workplace.

3.1 Bạn có cho phép công nhân tham gia hoặc thành lập tổ chức người lao động (ví dụ như hội đồng công nhân hoặc công đoàn) Có Yes Không No N/A N/A

Do you allow workers to join or establish a workers' organization (for example a worker council or trade union)?

3.2 Nếu quyền tự do thương lượng tập thể bị giới hạn bởi Luật - Ví dụ tổ chức Công Đoàn độc lập bị cấm - Bạn có cung cấp các cách khác cho người lao động để lắng nghe và thương lượng tập thể - Ví dụ như có đại diện người lao động do công nhân tự bầu chọn hoặc hội đồng? Có Yes Không No N/A N/A

If the right of freedom of association and collective bargaining are restricted by law - for example when independent trade unions are forbidden - do you provide other ways for workers' to be heard and to collectively bargain - for example having a freely chosen worker representative or council?

Nếu có, Vui lòng miêu tả If yes, please describe

3.3 Bạn có tôn trọng quyền của người lao động để thương lượng tập thể theo quy định của luật? Có Yes Không No N/A N/A
Do you respect the workers' right to negotiate collectively according to national labour regulations?

3.4 Người lao động có thể khiếu nại (vấn đề nhỏ hay nghiêm trọng) mà không bị trừng phạt? Có Yes Không No N/A N/A
Do workers have the possibility to complain (about minor and major problems) without being sanctioned?

Những diễn giải thêm Additional comments

4. CẤM PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ PROHIBITION OF DISCRIMINATION

Diễn giải: Có hai loại phân biệt đối xử: trực tiếp và gián tiếp. Phân biệt đối xử trực tiếp xảy ra khi đặc tính nhất định được sử dụng như là một lý do rõ ràng để ngăn cản mọi người thực hiện các quyền của họ. Phân biệt đối xử gián tiếp xảy ra khi có tiêu chuẩn hoặc hoạt động thực tiễn mà có hiệu lực của phân biệt đối xử chống lại các nhóm người nhất định, bằng cách đặt họ vào thế bất lợi so với những người khác, và không thể chứng minh là tương xứng.

Kỳ vọng: Không phân biệt đối xử trong tuyển dụng, tiền công, đào tạo, thăng tiến, thôi việc hoặc nghỉ hưu dựa trên giới tính, tuổi tác, tôn giáo, chủng tộc, đẳng cấp, nền tảng xã hội, người khuyết tật, nguồn gốc dân tộc và quốc gia, quốc tịch, thành viên trong các tổ chức của người lao động bao gồm các đoàn thể, đảng phái chính trị, giới tính, hoặc bất kỳ đặc điểm cá nhân khác.

Explanation: There are two kinds of discrimination: direct and indirect. Direct discrimination occurs when certain characteristics are used as an explicit reason for preventing people from exercising their rights. Indirect discrimination occurs when there are criteria or practices operating, which have the effect of discriminating against certain groups of people, by putting them at a disadvantage compared with others, and which cannot be justified as proportionate.

Expectation: No discrimination shall be tolerated in hiring, remuneration, access to training, promotion, termination or retirement based on gender, age, religion, race, caste, social background, disability, ethnic and national origin, nationality, membership in workers' organisations including unions, political affiliation, sexual orientation, or any other personal characteristics.

4.1 Bạn có đảm bảo rằng tất cả công nhân được đối xử bình đẳng? Có Yes Không No N/A N/A
Do you guarantee that all workers are treated equally?

4.2 Có phải tất cả nhân viên của bạn có cơ hội như nhau trong công ty của bạn? (ví dụ như tuyển dụng, lợi ích xã hội và làm thêm giờ) Có Yes Không No N/A N/A

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

Do all your workers have the same opportunities within your company?
(for example hiring, social benefits and overtime)

4.3 Bạn đảm bảo rằng không có bất kỳ hình thức đe dọa bằng lời nói, thể chất hoặc tâm lý, lạm dụng hoặc quấy rối diễn ra trong công ty của bạn (bao gồm quấy rối tình dục)?

Do you ensure that any form of verbal, physical or psychological threats, abuse or harassment do not take place in your company
(included but not limited to sexual harassment)?

Những diễn giải thêm Additional comments

5. CHI TRẢ LƯƠNG COMPENSATION

Diễn giải: Một hệ thống lương tốt sẽ có tác động tích cực về hiệu quả và kết quả sản xuất của người lao động vì nó sẽ khuyến khích họ thực hiện tốt hơn và đạt được các tiêu chuẩn cố định của doanh nghiệp bạn. Vật liệu, máy móc và tiền bạc là tất cả các yếu tố rất quan trọng đối với kinh doanh, nhưng không thể thành công mà không có một lực lượng lao động tốt.

Kỳ vọng: Tiền lương trả cho giờ làm việc bình thường và giờ làm thêm phải đáp ứng hoặc cao hơn mức tối thiểu quy phạm pháp luật và/ hoặc tiêu chuẩn công nghiệp. Bạn không bao giờ được phép trừ tiền bất hợp pháp, hay chưa được phép hay từ các hình thức kỷ luật lao động. Nếu mức lương tối thiểu quy phạm pháp luật và / hoặc tiêu chuẩn ngành không đảm bảo chi phí sinh hoạt và một số khoản khác, thì bạn được khuyến khích chi trả cho người lao động lương phù hợp để đáp ứng những nhu cầu này. Nó là trách nhiệm của bạn để đảm bảo rằng tiền lương và lợi ích được chi tiết rõ ràng và thường xuyên cho người lao động

Explanation: A good compensation system will have a positive impact on the efficiency and results produced by employees as it will encourage them to perform better and achieve the standards fixed by your business. Materials, machinery and money are all very important factors for business, but it is impossible to be successful without a good workforce.

Expectation: Wages paid for regular working hours and overtime hours shall meet or exceed legal minimums and/or industry standards. You should never make illegal, unauthorised or disciplinary deductions from wages. If the legal minimum wage and/or industry standards do not cover living expenses and provide some additional disposable income, you are encouraged to provide workers with adequate compensation to meet these needs. It is your responsibility to ensure that wage and benefits are detailed clearly and regularly for workers.

5.1 Bạn có trả lương cho công nhân ít nhất bằng lương tối thiểu do nhà nước quy định hay mức lương ngành cho tất cả công nhân không?

Do you pay at least legal minimum wages or relevant industry wage to all workers?

5.2 Bạn có áp dụng các khoản tiền lương phụ trội theo yêu cầu của Luật cho tất cả công nhân?

Do you apply all wages supplements required by law to all workers?

5.3 Bạn có cung cấp các khoản phúc lợi theo yêu cầu của Luật cho công nhân (bao gồm công nhân thường xuyên hoặc mùa vụ)? (Điều này bao gồm chi trả phép năm, trợ cấp thai sản, Bảo hiểm xã hội và những khoản khác bắt buộc theo yêu cầu của Luật)

Do you provide all legally required benefits to your workers (regardless if permanent or seasonal)?
(This includes paid leave, maternity benefits, social insurance and any other mandated by your local law)

5.4 Có Hồ sơ công nhân (bằng chứng về tuổi, hợp đồng lao động) cho tất cả công nhân?

Do personnel files (e.g. proof of age, working contract) exist for all workers?

5.5 Tất cả công nhân đều nhận phiếu lương thể hiện lương cơ bản của luật, thời gian làm việc, tăng ca, tiền tăng ca và các khoản tham gia Bảo hiểm theo luật?

Do all workers receive pay slips that state basic salary, working time, overtime, overtime compensation and all legal required social contributions?

Những diễn giải thêm Additional comments

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

6. GIỜ LÀM VIỆC WORKING HOURS

Diễn giải: Tuân thủ trách nhiệm xã hội là bạn đảm bảo tất cả các công nhân kiếm được ít nhất mức lương tối thiểu theo pháp luật trong thời gian làm việc bình thường và áp dụng các quy định liên quan đến bồi thường (đặc biệt là làm thêm giờ).

Kỳ vọng: Giờ làm việc, làm ban đêm, và ngày nghỉ cho người lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định quốc gia hoặc các thỏa ước tập thể. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) khuyến cáo rằng giờ làm việc tối đa cho phép làm việc trong một tuần một cách thường xuyên không được vượt quá 48 giờ và số giờ làm thêm tối đa cho phép trong một tuần không được vượt quá 12 giờ. Giờ làm thêm sẽ dựa trên cơ sở tự nguyện và được trả tại một tỷ lệ. Một nhân viên được có ít nhất một ngày nghỉ sau sáu ngày làm việc liên tục.

Explanation: Social compliance implies that you ensure all workers earn at least the legal minimum wage in the regular working time and apply regulations with regards to compensation (especially overtime).

Expectation: Hours of work, night work and rest periods for workers shall be in accordance with national laws and regulations or collective agreements. The International Labour Organization (ILO) recommends that the maximum allowable working hours in a week on a regular basis should not exceed 48 hours and the maximum allowable overtime hours in a week should not exceed 12 hours. Overtime hours shall be on a voluntary basis and to be paid at a premium rate. An employee is entitled to at least one free day following six consecutive working days.

6.1 Tất cả giờ, ngày và giờ tăng ca phù hợp với yêu cầu của Luật? Có Yes Không No N/A N/A

Are all the hours, days and overtime hours worked in accordance with the national regulations?

6.2 Hệ thống chấm công tại nơi làm việc có thể hiện giờ vào, giờ ra của từng công nhân cho từng ngày? Có Yes Không No N/A N/A

Is a time record system in place which shows the time in and time out of each worker for each day?

6.3 Quy định Luật/ Thỏa ước cho phép hay có quy định khác cho phép làm thêm giờ ngoài các đề cập về giờ làm việc nêu trên? Có Yes Không No N/A N/A

Do the national labour regulations/collective agreements allow other definitions or particular exceptions to the previously mentioned working hours?

Nếu có, Vui lòng miêu tả If yes, please describe

6.4 Bạn có hệ thống tại nhà máy để đảm bảo rằng không có công nhân làm việc nhiều hơn 48 giờ/tuần và hơn 12 tiếng tăng ca/tuần? Có Yes Không No N/A N/A

Do you have systems in place to ensure that no employee works more than 48 regular hours and no more than 12 overtime hours per week?

6.5 Bạn có bảo đảm tất cả công nhân được nghỉ một ngày sau sáu ngày làm việc liên tục? Có Yes Không No N/A N/A

Do you ensure that all employees have at least one free day after six consecutive days worked?

Những diễn giải thêm Additional comments

7. AN TOÀN SỨC KHỎE WORKPLACE HEALTH AND SAFETY

Diễn giải: Có sức khỏe tốt và an toàn tại nơi làm việc sẽ giúp giảm sự vắng mặt và tăng năng suất của người lao động, giảm chi phí kinh doanh, chẳng hạn như bảo hiểm và gián đoạn kinh doanh, và cho phép doanh nghiệp của bạn đáp ứng và vượt quá mong đợi của khách hàng. Không chú ý tới sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc có thể có một tác động lớn về tài chính doanh nghiệp của bạn như các chi phí của tai nạn và sức khỏe kém, có thể là đáng kể.

Kỳ vọng: Các nhà máy phải thiết lập và tuân theo các quy định rõ ràng liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp và an toàn, đặc biệt là việc cung cấp và sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân, nhà vệ sinh sạch sẽ và tiếp cận với nguồn nước sạch. Điều kiện tương tự được áp dụng cho các ký túc xá, khi công ty cung cấp ký túc xá. Đại diện quản lý được chỉ định chịu trách nhiệm về sức khỏe và sự an toàn và có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về sức khỏe và an toàn của BSCI. Tất cả công nhân sẽ được huấn luyện về an toàn sức khỏe thường xuyên. Công nhân chưa thành niên không được tiếp xúc với các công việc nguy hiểm, không an toàn hoặc không lành mạnh. Hệ thống phải được đặt đúng chỗ, để phát hiện, tránh hoặc đối phó các mối đe dọa tiềm năng đến sức khỏe và an toàn của tất cả các công nhân.

Explanation: Good health and safety at work helps to reduce absences and increase the productivity of workers, reduce business costs, such as insurance premiums and business disruption, and enables your business to meet and exceed customer expectations. Neglecting health and safety at work may have a major financial impact on your business as the costs of accidents and ill-health can be substantial.

Expectation: The factory shall establish and follow a clear set of regulations and procedures regarding occupational health and safety, especially the provision and use of personal protective equipment, clean bathrooms and access to potable water. Same conditions shall apply for dormitories, when provided by the company. A management representative shall be appointed to be responsible for the health and safety and accountable for the implementation of the Health and Safety elements of the BSCI. All workers shall receive regular and recorded health and safety training. Young workers shall not be exposed to hazardous, unsafe or unhealthy situations. Systems shall be in place, to detect, avoid or respond to potential threats to health and safety of all workers.

7.1 Môi trường làm việc có an toàn, lành mạnh và sạch sẽ như yêu cầu của Luật không? Có Yes Không No N/A N/A

Is the working environment as safe, healthy and clean as required by the national regulations?

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

7.2 Bạn có định kỳ tiến hành đánh giá rủi ro về điều kiện làm việc an toàn vệ sinh lao động và thực hiện khắc phục? Do you regularly conduct a risk assessment for safe, healthy and hygienic working conditions and follow the recommendations?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A	Is there a system in place to keep a register of the trainings provided to workers, including a description of the content and a participant list?						
7.3 Bạn có hệ thống tại nơi làm việc để đảm bảo rằng tất cả tủ thuốc sơ cứu mà công nhân có thể tiếp cận và các dụng cụ không bị hết hạn? Do you have a system in place to ensure that all first aid kits are accessible to workers and that contents are not expired?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A	7.10 Bạn có dán các biển báo và cảnh báo tại các cơ sở của bạn (hình vẽ và ngôn ngữ địa phương của người lao động) để nhắc nhở tất cả người lao động về tầm quan trọng của thiết bị bảo hộ cá nhân và tầm quan trọng của tất cả các chỉ dẫn an toàn? Do you have posted signs and warnings in your facilities (in pictographs and in the local language of workers) in order to remind all workers about the importance of wearing personal protective equipment and the importance of following all safety indications?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.4 Có người đại diện công nhân được tập huấn sơ cấp cứu cho mỗi ca làm việc? Is there a worker present who has been trained in first aid issues available during each shift?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A	7.11 Bạn thông báo cho tất cả các công nhân về quy trình xử lý tai nạn và ứng phó khẩn cấp của công ty và số điện thoại? Do you inform all workers about the company's accident and emergency procedures and phone numbers?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.5 Nước uống có được cung cấp cho công nhân? Do you have potable drinking water for all workers?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A	7.12 Bạn có giữ sổ theo dõi tai nạn lao động và bạn luôn luôn điều tra vấn đề này? Do you keep a register of accidents and do you always investigate the issue?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.6 Bạn có đảm bảo rằng công nhân tiếp cận nhà vệ sinh sạch sẽ và an toàn? Do you ensure that workers have access to clean and safe social areas and restrooms?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A	7.13 Bạn có đảm bảo rằng tất cả các công nhân xử lý hóa chất nguy hiểm được đào tạo về sự nguy hiểm và xử lý thích hợp của hoá chất? Have you ensured that all workers dealing with hazardous chemicals are trained on the dangers and proper handling of chemicals?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.7 Có hệ thống tại nơi làm việc để đảm bảo rằng tất cả công nhân được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động trước khi họ bắt đầu công việc? Is there a system in place to ensure that all workers are trained in health, safety and hygiene before they start to work with you?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A	7.14 Bạn có hạn chế tiếp cận các phòng có chứa hóa chất, chỉ những người lao động được đào tạo trong việc xử lý những sản phẩm mới được tiếp cận? Do you restrict the access to the rooms containing chemicals products to only those workers who are trained in handling those products?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.8 Bạn có đảm bảo rằng tất cả trang thiết bị bảo hộ lao động yêu cầu được cung cấp miễn phí cho tất cả công nhân? Do you ensure that all required personal protective equipment and protective clothing is provided to all workers free of charge?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A							
7.9 Có một hệ thống tại nơi làm việc để lưu giữ sổ đăng ký các khóa đào tạo đã thực hiện cho người lao động, bao gồm nội dung đào tạo và danh sách người tham gia?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A							

7.15 Bạn có giữ các tài liệu an toàn cho tất cả các hóa chất được sử dụng (ví dụ MSDS = Bảng thông tin an toàn)? Do you keep safety documents for all chemicals used [for example MSDS = Material Safety Data Sheet]?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.16 Việc sử dụng, lưu trữ và xử lý tất cả các hóa chất đều có hồ sơ không? Are the use, storage and disposal of all chemicals documented?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.17 Bạn có đảm bảo rằng công nhân không thể bị tổn hại bởi các tủ điện hoặc dây cáp điện? Do you ensure that workers cannot be harmed by electric installations or cables?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.18 Bạn có cung cấp đủ số lượng yêu cầu về bình chữa cháy và được duy trì thường xuyên, treo và dễ tiếp cận? Do you provide the legally required quantity of fire extinguishers, which are maintained regularly, mounted and accessible?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.19 Đường thoát hiểm / lối đi và lối thoát hiểm được đánh dấu, không bị che chắn và dễ dàng tiếp cận tại bất kỳ thời điểm nào? Are escape routes/aisles and exits properly marked, unblocked and easily accessible at any time?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.20 Bạn có tiến hành diễn tập phương án chữa cháy hàng năm và tập sơ tán để đảm bảo rằng tất cả các công nhân biết làm thế nào để thoát hiểm trong một tình huống khẩn cấp? Do you conduct yearly fire and evacuation drills in order to ensure that all workers know how to respond in an emergency situation?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
7.21 Máy móc có được lắp đặt đúng, duy trì và được che chắn an toàn? Are machines correctly installed, maintained and safeguarded?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
Những diễn giải thêm Additional comments						

8. KÝ TÚC XÁ/ NHÀ Ở DORMITORIES / HOUSING

Diễn giải: Lựa chọn vị trí của ký túc xá theo các tiêu chí như công nhân không tiếp xúc trực tiếp với các mối nguy hại từ thiên nhiên và từ nơi làm việc. (ví dụ như tiếng ồn, khí thải, bụi). Cơ sở vật chất cần phải được xây dựng bằng vật liệu thích hợp và bảo trì trong tình trạng tốt, sạch sẽ và không có rác hay các loại phế thải khác. Chúng phải đáp ứng các nhu cầu cơ bản của công nhân và không vi phạm bất kỳ quyền cơ bản của con người, tránh các mối nguy hiểm an toàn và bảo vệ công nhân từ các nguồn bệnh (Ví dụ từ các nguồn nước ứ đọng từ độ ẩm, sự lây lan của nấm ...).

Kỳ vọng: Ký túc xá sạch sẽ, an toàn và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người lao động và gia đình của họ (khi có liên quan). Tất cả công nhân và gia đình của họ (khi có liên quan) có quyền rời bỏ khỏi những mối nguy hiểm nghiêm trọng sắp xảy ra mà không xin phép từ quản lý

Explanation: The location of the dormitories shall be chosen in a way that workers are not exposed to both natural hazards and affected by the operational impacts of the worksite [for example noise, emissions or dust]. Living facilities should be built using adequate materials and kept in good repair, clean and free from rubbish and other refuse. They should meet the basic needs of the personnel and not violate any basic human right, avoid safety hazards and protect workers from diseases [e.g. resulting from humidity, stagnant water, spread of fungi etc.].

Expectation: Dormitories shall be clean, safe, and meet the basic needs of the workers and their families when relevant. All workers and their families [when relevant] shall have the right to remove themselves from imminent serious danger without seeking permission from the management.

8.1 Khu vực được cung cấp trong ký túc xá có phù hợp với yêu cầu của Luật? Is the space provided in dormitories in compliance with statutory laws and regulations?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
8.2 Các phòng ngủ được tổ chức theo một cách duy trì mức độ tốt cho tinh thần, tránh mối nguy hiểm an toàn và bảo vệ công nhân từ tiềm năng quấy rối tình dục? Are the sleeping rooms organised in a way that preserve good level of morale, avoid safety hazards and protect workers from potential sexual harassment?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
8.3 Ký túc xá có tách biệt với khu vực sản xuất và kho? Are dormitories separated from production area and warehouses?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
8.4 Ký túc xá/ nhà ở sạch sẽ và an toàn? Are the dormitories / housing clean and safe?	Có	Yes	Không	No	N/A	N/A
Những diễn giải thêm Additional comments						

9. CẤM LAO ĐỘNG TRẺ EM PROHIBITION OF CHILD LABOUR

Diễn giải: Giáo dục trẻ em phải được hướng dẫn đến phát triển nhân cách của chúng, tài năng về thể chất và tinh thần. Một đứa trẻ cần phải có quyền nghỉ ngơi và tham gia vào các hoạt động giải trí phù hợp với lứa tuổi của anh ta/ cô ta. Ban Quản lý phải bảo đảm rằng không có lao động trẻ em xảy ra, và các quyền trẻ em của con cái của người lao động được bảo đảm.

Kỳ vọng: Bất kỳ hình thức bóc lột trẻ em đang bị cấm theo quy định của Tổ chức Lao động Quốc tế và các công ước Liên Hiệp Quốc và/ hoặc theo quy định của pháp luật quốc gia. Các công nhân trẻ có quyền phải được bảo vệ.

Công ty thiết lập các Chính sách và quy trình về lao động trẻ em và các chính sách này được lưu giữ, bao gồm hỗ trợ đầy đủ để cho phép trẻ em tham dự và ở lại trường cho đến khi không còn là trẻ em.

Explanation: The education of the child shall be directed to develop his personality, mental and physical talents. A child should have the right to rest and engage in recreational activities appropriate to his/her age. Management should make sure that child labour is not endorsed and employees' children have their childhood's rights guaranteed.

Expectation: Any forms of exploitation of children are forbidden as defined by International Labour Organization and United Nations Conventions and/or by national law. The rights of young workers must be protected.

Policies and Procedures for child labour remediation shall be established and documented by the company, which shall include adequate support to enable children to attend and remain in school until no longer a child.

9.1 Có phải tất cả công nhân có độ tuổi cao hơn quy định pháp luật? Có Yes Không No N/A N/A

Are all employees over the legal minimum age?

9.2 Bạn có yêu cầu chứng minh độ tuổi (chứng minh thư, giấy khai sinh hoặc tài liệu khác) để đảm bảo rằng tất cả công nhân được tuyển dụng ở trên độ tuổi tối thiểu hợp pháp? Có Yes Không No N/A N/A

Do you ask for proof of age (for example identity cards, birth certificates or other documents) to make sure that all hired workers are above the legal minimum age?

9.3 Bạn có đảm bảo rằng quy định luật để bảo vệ và đào tạo công nhân trẻ (tất cả mọi người dưới 18 tuổi nhưng trên độ tuổi tối thiểu) được thi hành? Có Yes Không No N/A N/A

Do you ensure that all national regulations for protection and training of young workers (everyone below 18 years but above the minimum age) are enforced?

Những diễn giải thêm Additional comments

10. CẤM LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC VÀ NHỮNG HÌNH THỨC KỶ LUẬT PROHIBITION OF FORCED LABOUR AND DISCIPLINARY MEASURES

Diễn giải: Tất cả các công nhân nên được tự do chấm dứt hợp đồng của họ trong khuôn khổ pháp lý. Công nhân không bị các mối đe dọa hoặc ép buộc (thể chất hoặc tâm lý) chống lại công nhân.

Kỳ vọng: Tất cả các hình thức lao động cưỡng bức, chẳng hạn như tiền đặt cọc hoặc lưu giữ các tài liệu nhận dạng từ nhân viên khi bắt đầu làm việc là bị cấm. Sử dụng nhục hình, ép buộc tâm lý hoặc thể chất và lạm dụng bằng lời nói sẽ không xảy ra.

Explanation: All workers should be free to terminate their contracts within the legal framework. Threats or coercions (either physical or psychological) should not be used against workers.

Expectations: All forms of forced labour, such as lodging deposits or the retention of identity documents from personnel upon commencing employment, are forbidden. Use of corporal punishment, mental or physical coercion and verbal abuse shall not occur.

10.1 Các tài liệu như CMND, hộ chiếu hoặc giấy khai sinh trả lại cho người lao động ngay sau khi tuyển dụng? Có Yes Không No N/A N/A

Are documents such as ID-cards, passports or birth certificates returned to the workers immediately after hiring?

10.2 Bạn có cho phép người lao động chấm dứt hợp đồng và rời khỏi nơi làm việc của họ một cách tự do và không có biện pháp trừng phạt nếu họ làm theo tất cả các quy định Luật? Có Yes Không No N/A N/A

Do you allow workers to terminate their contracts and leave their place of work freely and without sanctions if they follow all applicable national regulations?

10.3 Bạn có đảm bảo rằng công ty không tham gia hoặc không sử dụng các hình phạt, cưỡng chế tinh thần hoặc thể chất hoặc lạm dụng bằng lời nói hoặc các hình thức khác của lạm dụng trong biện pháp kỷ luật? Có Yes Không No N/A N/A

Do you ensure that the company does not engage or tolerate the use of corporal punishment, mental or physical coercion or verbal abuse or other forms of abusive disciplinary measures?

Những diễn giải thêm Additional comments

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

11. CÁC VẤN ĐỀ VỀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG

ENVIRONMENTAL AND SAFETY ISSUES

Diễn giải: Quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ có một tác động tích cực cho các phúc lợi của người lao động của bạn, xây dựng một danh tiếng tốt và đóng góp vào các hệ sinh thái bền vững đáp ứng cả hai nhu cầu sinh thái và con người trong tương lai.

Kỳ vọng: Quản lý đảm bảo rằng không có hành vi vi phạm môi trường xảy ra và các hoạt động doanh nghiệp phù hợp với các quy định môi trường quốc gia. Thủ tục và tiêu chuẩn quản lý chất thải, xử lý hóa chất và vật liệu nguy hiểm khác, khí thải và xử lý nước thải phải đáp ứng hoặc không vượt quá yêu cầu tối thiểu của pháp luật.

Explanation: A good management of natural resources will have a positive impact at the welfare of your workers, build a good reputation and contribute to sustainable ecosystems that meet both ecological and human needs in the future.

Expectation: Management shall guarantee that no gross or evident environmental malpractice occurs and the business runs in line with national environmental regulations. Procedures and standards for waste management, handling and disposal of chemicals and other dangerous materials, emissions and effluent treatment must meet or exceed minimum legal requirements.

11.1 Bạn có chắc chắn rằng khí thải (tức là khí và khói từ các máy móc và phương tiện xe cộ) là phù hợp với quy định quốc gia?

Do you make sure that air emissions (i.e. gases and fumes from machines and vehicles) are in compliance with national regulations?

Có Yes Không No N/A N/A

11.2 Bạn có đảm bảo nước thải được xử lý theo yêu cầu của luật pháp quốc gia?

Do you make sure waste water is treated as required by national law?

Có Yes Không No N/A N/A

11.3 Chất thải được quản lý và xử lý phù hợp với các quy định quốc gia để nó không gây hại cho môi trường?

Is waste managed and disposed of in compliance with the national regulations so that it does not harm the environment?

Có Yes Không No N/A N/A

11.4 Bạn có đảm bảo rằng các hóa chất được lưu trữ và xử lý theo những cách tránh rò rỉ?

Do you ensure that chemicals are stored and disposed in ways that avoid leakage?

Có Yes Không No N/A N/A

11.5 Bạn có chắc chắn rằng không có thùng chứa hóa chất rỗng nào được tái sử dụng?

Do you make sure that empty chemical containers are not re-used?

Có Yes Không No N/A N/A

Những diễn giải thêm Additional comments

BƯỚC TIẾP THEO NEXT STEPS

Một khi bạn đã điền vào bảng câu hỏi tự đánh giá, bạn phải ở trong một vị trí tốt hơn để phân tích vấn đề trách nhiệm xã hội mà công ty của bạn sẽ cần phải thực hiện. Nếu được yêu cầu, bạn sẽ cần phải chia sẻ tài liệu này với khách hàng thương mại của bạn, hoặc kiểm toán viên BSCI.

Once you have filled in this self-assessment questionnaire, you should be in a better position to analyse the social gap that your company will need to fulfil. If requested, you will need to share this document with your commercial client, or the BSCI auditor.

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA - Foreign Trade Association, Brussels

A.2.4. TÀI LIỆU CẦN CÓ TẠI THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ DOCUMENTATION AT THE DATE OF THE AUDIT

Đây là danh sách hồ sơ mà đánh giá viên của BSCI sẽ kiểm tra trong suốt thời gian đánh giá. Vì vậy, với vai trò là nhà sản xuất bạn nên sử dụng danh mục dưới đây để thu thập các tài liệu cần thiết cho cuộc đánh giá.

This is the documentation that the BSCI Auditor shall verify during the audit. As a producer you should use this list to guide you through collecting all documentation prior to the audit.

Số thứ tự Number	Danh mục tài liệu Documents	Có giá trị Available		Thẩm tra Verified		Lý do nếu không được thẩm tra Reasons for not verification
1	Bản sao những giấy tờ chính thức thể hiện tình trạng pháp lý, tên công ty, năm thành lập Copies of official documents on legal status, company name[s], year of foundation	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
2	Giấy phép kinh doanh còn hiệu lực và tất cả những giấy tờ phê duyệt chính thức cần thiết cho hoạt động kinh doanh bao gồm những bộ máy có liên quan Valid business licences and all necessary official approvals to run operations including the related machinery	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
3	Bảng cân đối tài chính của công ty Company's Financial Balance sheet	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
4	Chính sách và qui trình về mặt xã hội được viết thành văn bản, bao gồm nhưng không giới hạn qui trình về chống tham nhũng, qui trình về nguồn nhân lực, ... Social policy and procedures in written form, including but not limited to anti-corruption procedure, human resources procedure, etc.	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
5	Cơ chế khiếu nại bao gồm qui trình, ghi nhận khiếu nại bởi nhân viên, biện pháp xử lý và theo dõi Complaint mechanism including procedure, records of complaints by employees, measures taken and follow up	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
6	Danh sách những bằng chứng nhận có hiệu lực và/hoặc các báo cáo đánh giá liên quan nhưng không giới hạn đến các hệ thống quản lý, các tiêu chuẩn xã hội và môi trường hoặc bộ tiêu chuẩn ứng xử List of valid certificates and/or audit reports concerning but not limited to management systems, social and environmental standards or codes of conduct	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
7	Thủ tục về môi trường bao gồm nhưng không giới hạn về quản lý nguồn nước và chất thải, hóa chất thải và xử lý khí thải Environmental procedures including but not limited to water and waste management, chemicals' disposal and emissions treatment	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
8	Tài liệu về trách nhiệm trong công ty hay cấp quản lý lãnh đạo và cấp điều hành về việc thực hiện và kiểm tra những tuân thủ của bộ qui tắc ứng xử BSCI Documentation of responsibilities in the company on senior management and operational level for implementation of and checking compliance with the BSCI Code of Conduct	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
9	Những tính toán cần thiết các nguồn lực về tài chính và nhân sự để tuân thủ theo những yêu cầu tối thiểu về xã hội và môi trường Calculation of the necessary financial and personnel resources to comply with the Minimum Social and Environmental Requirements	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

Số thứ tự Number	Danh mục tài liệu Documents	Có giá trị Available		Thẩm tra Verified		Lý do nếu không được thẩm tra Reasons for not verification
10	Văn bản tuyên bố cam kết của các nhà thầu phụ về việc tuân thủ theo bộ qui tắc ứng xử BSCI Written declaration of commitment of subcontractors' compliance with the BSCI Code of Conduct	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
11	Văn bản tuyên bố chấp thuận cho trang trại được bao gồm trong ISMS (Nếu áp dụng) Written declaration of consent for farms to be included in the ISMS [when applicable]	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
12	Bằng chứng về cải tiến liên tục về thực hiện xã hội trong những cơ sở của các nhà thầu phụ Proof of continuous improvement of social performance in the facilities of subcontractors	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
13	Các qui định làm việc được viết thành văn bản Working Rules in written form	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
14	Văn bản ghi nhận những vi phạm về qui tắc làm việc và bất kỳ biện pháp xử lý kỷ luật nào được áp dụng Documentation of any infringements of the working rules and any disciplinary measures taken	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
15	Văn bản đề cập đến mức lương tối thiểu theo qui định của pháp luật (tùy thuộc vào ngành hoạt động) và những nguồn thông tin liên quan Documentation of the legal minimum wages [relevant for the type of industry] and the source of this information	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
16	Hồ sơ cá nhân của tất cả công nhân (bao gồm các công nhân thời vụ) Personnel Data Files for all employees [including seasonal workers]	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
17	Hồ sơ ghi chép thời gian làm việc Working time records	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
18	Văn bản đề cập đến những quyền lợi của công nhân lưu ý những quyền lợi này là bắt buộc hay tự nguyện (bao gồm phụ nữ mang thai và các bà mẹ) Documentation on all benefits to employees with remarks if they are mandatory or voluntary [including pregnancy and mothers]	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
19	Hồ sơ giấy phép còn hiệu lực về việc cắt giảm giờ làm việc (ví dụ: từ cơ quan nhà nước, từ thỏa ước lao động tập thể với công đoàn) Documented valid authorisation to make exemptions on working hours [e.g. from government, from collective bargaining agreements with trade unions]	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
20	Biên bản các cuộc họp và biên bản ghi nhận thỏa thuận có đại diện của người lao động Minutes of meetings and records of written agreements with employees' representatives	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
21	Bảng lương và cách tính lương bao gồm nhưng không giới hạn bảng ghi nhận sản lượng tính theo năng suất hay theo sản phẩm của công nhân Wage lists and wage calculation including but not limited to record of output of productivity rates or piece rate workers	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
22	Giấy tờ ghi nhận kế hoạch năng suất sản xuất bao gồm nhưng không giới hạn về tính toán chi phí, định mức tăng trưởng và nguồn nhân lực cần thiết Production capacity planning in written form including but not limited to cost calculation, growth expectation and human resources needed	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	

Bản tự đánh giá cho Sản xuất công nghiệp BSCI Self-Assessment Industrial Production

Tất cả các quyền đều được đăng ký. Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, dịch, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc truyền tải, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm hoặc bằng cách khác, cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc lưu hành mà không có sự cho phép của FTA.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the FTA's authority. Bản quyền 2012, bởi FTA - Hiệp Hội Ngoại Thương, Brussels Copyright © 2012, 2012 by FTA – Foreign Trade Association, Brussels

Số thứ tự Number	Danh mục tài liệu Documents	Có giá trị Available		Thẩm tra Verified		Lý do nếu không được thẩm tra Reasons for not verification
23	Hợp đồng lao động bao gồm những hợp đồng liên quan đến bảo vệ an ninh và những dịch vụ khác Employment contracts including those related to security personnel and other services	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
24	Phiếu lương của công nhân và những chứng cứ ghi nhận việc thanh toán lương Payslips for employees and evidence of payment of wages	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
25	Chứng từ ghi nhận việc thanh toán bảo hiểm xã hội gần nhất Evidence of updated contribution to social insurance funds	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
26	Tài liệu tập huấn cho tất cả công nhân, lưu ý cụ thể nhưng không giới hạn về sức khỏe và an toàn lao động. Tài liệu có giá trị nên bao gồm danh sách tên và vị trí của những người tham dự, ngày tháng, nội dung huấn luyện và trình độ chuyên môn của người huấn luyện Documentation of all trainings to workers, particularly but not limited to concerning Health and Safety. Valid documentation should include at least a list of names and positions of the participants, dates, content of training and qualification of the trainers	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
27	Biên bản ghi nhận các tai nạn bao gồm nhưng không giới hạn về thông tin nguyên nhân của tai nạn, loại hình tai nạn, ngày tháng, thương tật và những chỉ số mức độ thương tật đối với người và thủ tục giải quyết sau đó Documented record of the accidents including but not limited to information on the source of the accident, type, dates, damages and indication of harmed persons and procedure followed	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
28	Giấy chứng nhận sức khỏe cá nhân Medical Personnel Qualification certificates	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
29	Bằng chứng nhận trình độ đối với lao động làm việc với máy móc nguy hiểm, lắp đặt hệ thống điện hay những hoạt động khác đòi hỏi huấn luyện đặc biệt vì độ rủi ro cao Qualification proof for employees working with dangerous machines, electrical installation and any other activity that requires specific training due to the level of risk	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
30	Hồ sơ kiểm định, hồ sơ bảo trì, hướng dẫn vận hành an toàn đối với các máy móc nguy hiểm, bao gồm nhưng không giới hạn các thiết bị nâng, thiết bị điện và thiết bị áp lực cao Inspection reports, maintenance records, operating and safety instructions for dangerous machines, including but not limited to lifts, electrical equipment high-pressure equipment	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
31	Hồ sơ kiểm định và hồ sơ bảo trì đối với các thiết bị phòng cháy chữa cháy (ví dụ phiếu kiểm tra gắn trên bình chữa cháy) Inspection reports and maintenance records for fire fighting equipment [e.g. inspection tags on fire extinguishers]	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
32	Biên bản kiểm tra và bảo trì về sức khỏe và an toàn lao động ở xưởng và ký túc xá bao gồm nhưng không giới hạn về nhiệt độ, mức độ ồn và ánh sáng Inspection documents and maintenance record concerning health and safety for the facilities and dormitories including but not limited to temperature, noise level and lighting	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	

Số thứ tự Number	Danh mục tài liệu Documents	Có giá trị Available		Thẩm tra Verified		Lý do nếu không được thẩm tra Reasons for not verification
33	Ghi nhận hóa đơn, lượng tiêu thụ, hóa chất thải (kể cả bảng thông tin an toàn nguyên vật liệu - MSDS) Records of receipt, consumption, withdrawal and disposal of chemicals (including presentation of Material Safety Data Sheets – MSDS)	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
34	Báo cáo kiểm định và bảo trì nước uống cho cả cơ sở lẫn ký túc xá (nếu có liên quan) Inspection reports and maintenance records on the water potability both facilities and dormitories (when relevant)	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
35	Văn bản đánh giá rủi ro và biện pháp khắc phục đối với sức khỏe, an toàn lao động và điều kiện làm việc hợp vệ sinh Documented risk assessment and related action plan for safe, healthy and hygienic working conditions	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	
36	Danh sách các qui trình sản xuất thuê ngoài đến các nhà tù, và tên và địa điểm của các cơ sở (nếu có liên quan) List of production processes outsourced to prisons, and name and place of premises (if relevant)	Có Yes	Không No	Có Yes	Không No	